

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH ĐẮK LẮK

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 299/2023/DS-PT

Ngày 12 - 9 - 2023

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bằng

Bà Lưu Thị Thu Hường

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 225/2023/TLPT- DS ngày 02 tháng 8 năm 2023 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2023/DS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 256/2023/QĐPT-DS ngày 10 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H; ông Nguyễn Ngọc H1.

Địa chỉ: Thôn Ea Đình, xã Ea Tân, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

Bị đơn: Ủy ban nhân dân xã E, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk;

Địa chỉ: Thôn Đoàn Kết, xã Ea Tân, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn T; Chức vụ: Phó chủ tịch (Có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Hữu H2; bà Nguyễn Thị H3.

Địa chỉ: Thôn Ea Đinh, xã Ea Tân, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk (Đều vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hữu H2: Bà Nguyễn Tâm S (Có mặt)

2. Ông Tống Quốc T1; bà Nguyễn Thu T2 (Đều vắng mặt)

3. Ông Lê Văn T3; bà Phan Thị H3 (Ông T3 vắng mặt, bà H3 có mặt).

4. Ông Bùi Văn P (Vắng mặt)

5. Ông Lê Văn H4; bà Nguyễn Thị H5 (Ông D vắng mặt, bà H5 có mặt).

6. Ông Lê Văn D; bà Nguyễn Thị H6 (Đều vắng mặt)

7. Ông Tống Ngọc H7; bà Nguyễn Thị Y (Đều vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Ea Đinh, xã Ea Tân, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk

8. Ông Phùng Tuấn A; bà Phạm Thị Hà T4; bà Nguyễn Thị L

Cùng địa chỉ: Thôn Ea Đinh, xã Ea Tân, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk (Đều vắng mặt).

Người làm chứng:

1. Ông Lê Văn C (Vắng mặt)

2. Bà Vi Thị D1 (Vắng mặt)

3. Bà Phùng Thị L1 (Vắng mặt)

4. Ông Bùi Văn H6; ông Bùi Văn N (Đều vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Ea Đinh, xã Ea Tân, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc H1 và bà Nguyễn Thị H trình bày:

Năm 1999, ông bà nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn C (Hiện nay không rõ địa chỉ) thửa đất diện tích khoảng 6.055m², thuộc thửa đất số 09, tờ bản đồ số 51, có địa chỉ tại Thôn Ea Đinh, xã Ea Tân, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk. Khi nhận chuyển nhượng, thì ông C chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các bên chỉ viết giấy tay với nhau, không có xác nhận của chính quyền địa phương. Ông bà đã thanh toán đầy đủ tiền cho gia đình ông C. Đồng thời hai bên gia đình ra bàn giao, cắm mốc thực địa. Phía Đông giáp đất ông Bùi Văn N (Nay ông N tặng cho ông Bùi Văn P), dài 286m. Tây giáp đất ông Nguyễn Hữu H2 và ông Lê Văn T3, dài 286m. Nam giáp sông, rộng 17m. Bắc giáp đất ông Bùi Văn H6 (Nay ông Phùng Tuấn A, bà L, bà T4 đang sử dụng), rộng 23m. Hiện trạng lúc nhận chuyển nhượng, phía Đông là cà phê, phía Tây là

hàng cà phê (Nay là con đường, có tranh chấp), phía Nam có hàng cây không rõ tên, phía Bắc hàng cây cà phê (Nay là hàng chè).

Do không có đường đi nên ông C và ông N(Bố ông P) thống nhất trừ mỗi bên 1m đất để làm đường đi từ suối lên đường nhựa (Dọc theo thửa đất giữa hai nhà). Tuy nhiên trong quá trình sử dụng, phía Tây thửa đất của ông bà, thì ông Nguyễn Hữu H2 mở con đường đi. Vì vậy, ông P sang thỏa thuận đổi diện tích con đường mà hai gia đình đang đi, sang để cho ông bà đi chung với ông Nguyễn Hữu H2, thì được các bên đồng ý, ký vào giấy thỏa thuận.

Mặc dù phần diện tích đất 655m² (Đông giáp đất ông bà, dài 286m. Tây giáp đất ông T3 và ông H2, dài 286m. Nam giáp sinh rặng 2,45m. Bắc giáp phần đất do ông Nguyễn Hữu H2 bỏ ra làm đường đi, rộng 2,5m) là của ông bà, nhưng UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk lấy và quy hoạch làm con đường đi cho ông T3, ông H2 và một số hộ dân khác là không đúng. Do vậy, ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk trả lại diện tích đất 655m² với vị trí, kích thước, tứ cận như trên.

Đại diện UBND xã E trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì bị đơn không chấp nhận. Vì phần diện tích đất có tranh chấp là con đường dân sinh đã có từ trước, được quy hoạch từ năm 1997 và 1999, tại Tờ bản đồ 51 (Có trước khi bà H, ông H1 nhận chuyển nhượng). Hiện nay, diện tích đất này đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk quy hoạch làm con đường dân sinh đi chung cho các hộ. Trong quá trình quy hoạch, không có ai khiếu nại khiếu kiện gì. Các hộ dân đã sử dụng từ rất lâu, làm đường đi, rải đá. Giáp ranh thửa đất nhà bà H, ông H1 và con đường đi đã phân định rõ ràng, trồng cây, cắm cột mốc bê tông, hàng rào kẽm gai. Mặt khác nội dung khiếu nại, tranh chấp đã được Tòa án và các cơ quan ban ngành giải quyết. Trong quá trình giải quyết, thì các mốc giới giáp ranh thửa đất các hộ và của bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Ngọc H1 đều không có sự thay đổi. Tuy nhiên có thay đổi về diện tích đất là do sai số trong kỹ thuật của các lần đo.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hữu H2 là bà Nguyễn Tâm S trình bày:

Năm 1998, ông Nguyễn Hữu H2 nhận chuyển nhượng đất của ông Lâm Văn K(Giờ không rõ địa chỉ). Khi nhận chuyển nhượng, thì hiện trạng đã có con đường nhỏ giáp ranh giữa thửa đất nhà ông Nguyễn Hữu H2 với thửa đất nhà ông Bùi Văn N. Quá trình sử dụng, ông N lấn hết phần diện tích con đường để trồng cây, biến đất con đường thành đất của riêng mình nên ông Nguyễn Hữu H2 phải tự bỏ đất của mình ra làm đường đi. Sau đó, ông H2 có cho ông T1, ông H7, ông D, ông H4 và ông T3 đi chung. Còn ông Nguyễn Ngọc H1 và bà H có con đường đi bên đất nhà ông N. Đến năm 2007, ông H1, ông P (Con ông N) có xin ông H2 cho đi nhờ, thì được ông H2 đồng ý cho ông H1 đi nhờ.

Đối với phần diện tích đất tranh chấp (Con đường) là do các hộ H2, H7, T1, H4, D, T3 bỏ ra để đi xuống sinh, không phải của ông Nguyễn Ngọc H1, cũng không phải của Nhà nước, do đó ông H2 và bà H3 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H1 và bà H mà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Lê Văn T3, bà Phan Thị H3 trình bày:

Năm 2005, ông bà nhận chuyển nhượng của ông K2 (Hiện nay không rõ địa chỉ) thửa đất có diện tích 5 sào. Đông giáp đất ông Nguyễn Ngọc H1, Tây giáp đất Tổng Quốc T1. Nam giáp sinh. Bắc giáp đất Nguyễn Hữu H2 (Nay là con đường đi). Lúc nhận chuyển nhượng, ông K2 chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến nay, thì ông bà đã được cấp giấy chứng nhận. Trên giấy chứng nhận và hiện trạng có con đường đi. Việc ông Nguyễn Ngọc H1, bà Nguyễn Thị H khởi kiện cho rằng diện tích đất tranh chấp là của ông H1 và bà H, thì ông bà không đồng ý. Vì diện tích đất này là con đường đi thuộc đất nhà ông bà nhận chuyển nhượng của ông K2. Ông bà đã được cấp giấy chứng nhận. Do vậy ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Bà Nguyễn Thị L trình bày:

Năm 2020, ông Phùng Tuấn A (Con bà L) nhận chuyển nhượng của bà Vi Thị D1 diện tích đất 3.698,8m², thuộc thửa đất số 52, tờ bản đồ số 82 (Có nguồn gốc là của ông N). Tứ cận: Đông giáp đất ông Bùi Văn P, Tây giáp đường đi, Nam giáp đất ông Nguyễn Ngọc H1. Bắc giáp đường đi. Trong trích lục giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà đã có con đường đi. Gia đình bà sử dụng ổn định từ khi nhận chuyển nhượng đến nay không tranh chấp với ai nên bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Bùi Văn P trình bày:

Trước đây, ông Bùi Văn N (Bố ông) có thửa đất diện tích khoảng 2ha. Đông giáp đất ông P1 đang sử dụng. Tây giáp đất ông Nguyễn Hữu H2, ông Lê Văn T3. Nam giáp sinh. Bắc giáp đường nhựa. Bố ông đã nhượng diện tích khoảng 5000m² (5 sào) cho ông C (Không rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể). Đông giáp đất còn lại của gia đình ông. Tây giáp đất ông Nguyễn Hữu H2 và ông Lê Văn T3. Bắc giáp đất của bố ông (Ông N) cho ông Bùi Văn H6 (Em trai ông), nay ông Phùng Tuấn A sử dụng. Nam giáp sinh. Sau đó, ông C đã chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Ngọc H1, bà Nguyễn Thị H.

Do bố ông chuyển nhượng đất cho ông C diện tích đất phía trong, không có lối đi ra ngoài đường nhựa, nên bố ông cho ông C đi nhờ phần diện tích đất còn lại của gia đình ông để đi ra đường nhựa. Sau này, ông C nhượng lại cho ông Nguyễn Ngọc H1, nên ông H1 tiếp tục được đi trên con đường này. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng đất, ở phía Tây thửa đất nhà ông + nhà ông H1, thì ông Nguyễn Hữu H2, ông Lê Văn T3 mở con đường đi, nên ông sang nói và

xin các ông cho ông Nguyễn Ngọc H1 đi, thì các hộ đồng ý và ký vào văn bản thỏa thuận. Do đó, gia đình ông lấy lại con đường mà trước đây gia đình ông cho ông C và ông Nguyễn Ngọc H1 mượn.

Đối với diện tích đất tranh chấp (Con đường) là đất của ông Lê Văn T3, ông Nguyễn Hữu H2 bỏ ra, đồng ý hiến cho Nhà nước để làm đường đi. Đến nay, phù hợp với quy hoạch nên UBND tỉnh phê duyệt. Diện tích đất này không thuộc sở hữu của ông Nguyễn Ngọc H1, bà Nguyễn Thị H, do đó ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H1, bà H mà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Bà Nguyễn Thị H5, bà Nguyễn Thị Y; bà Nguyễn Thị H6 trình bày:

Về yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc H1, bà Nguyễn Thị H thì các bà không đồng ý mà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vì diện tích đất tranh chấp là của ông Nguyễn Hữu H2, ông Lê Văn T3 bỏ ra để làm đường đi, chứ không phải của ông Nguyễn Ngọc H1 và bà Nguyễn Thị H.

Bà Phùng Thị L1 trình bày:

Nguồn gốc đất của ông Nguyễn Ngọc H1, bà H là của bà. Trước đó, bà nhận chuyển nhượng của ông N (Bố ông P) 5 sào, chứ không phải là 6 sào. Bà có thuê ông C làm vườn. Sau đó, bà nhượng lại cho ông Nguyễn Ngọc H8 (Con trai ông Nguyễn Ngọc H1) chứ không phải ông C nhượng cho ông H1. Phần diện tích đất tranh chấp là của ông K nhượng cho ông H2 chứ không phải của bà nhượng cho gia đình ông Nguyễn Ngọc H1.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 08/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng đã quyết định:

- Áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147; 157; 165; khoản 1 Điều 227; Điều 235; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 73 của Luật Đất đai năm 1993

- Căn cứ Điều 105 và Điều 136 của Luật Đất đai năm 2003;

- Căn cứ Điều 166 và Điều 203 của Luật Đất đai.

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 3 Luật người cao tuổi.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc H1, bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk trả phần đất có diện tích 655m².

2. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Ngọc H1, bà Nguyễn Thị H phải chịu 2.200.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và 3.000.000 đồng tiền chi phí định giá tài sản. Ông Nguyễn Ngọc H1, bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ, không phải nộp bổ sung.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc H1, bà Nguyễn Thị H được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 12/6/2023 bà Nguyễn Thị H kháng cáo với nội dung: Bà H không đồng ý với bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị H giữ nguyên đơn khởi kiện và đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Các đương sự trong vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Qua phân tích đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Kháng cáo của bà Nguyễn Thị H là không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST, ngày 08/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn làm trong hạn luật định và thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên vụ án giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc H1, bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk trả diện tích đất 655m²:

Về nguồn gốc đất: Theo ông Nguyễn Ngọc H1 và bà Nguyễn Thị H trình bày thửa đất có diện tích hơn 06 sào, thửa đất số 09, tờ bản đồ số 51 tại Thôn Ea

Đình, xã Ea Tân, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk có nguồn gốc do ông bà nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn C (không rõ địa chỉ), hiện đất chưa được cấp GCNQSD đất, các bên chỉ viết giấy tay với nhau, không có người làm chứng, không có xác nhận của chính quyền địa phương. Còn theo lời khai của bà Phùng Thị L1 cho rằng nguồn gốc thửa đất trên là của bà L1 nhận chuyển nhượng của ông Bùi Văn N, bà L1 thuê ông C làm sau đó bà L1 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Ngọc H8 là con trai của ông Nguyễn Ngọc H1 diện tích 5 sào chứ không phải 6 sào và cũng không phải ông C chuyển nhượng cho ông Nguyễn Ngọc H1. Diện tích đất của ông H1, bà H có số liệu chênh lệch nhau là do sai số trong các lần đo đạc, chứ mốc giới giáp ranh từ trước đến nay của các hộ không có sự thay đổi, bản thân bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Ngọc H1 cũng khẳng định giáp ranh thửa đất nhà ông bà với thửa đất của ông Bùi Văn P, ông Phùng Tuấn A, giáp ranh với sinh đều đã xác định ranh giới cố định, hiện ranh giới vẫn còn tồn tại, không có tranh chấp. Tuy nhiên, bà H và ông H1 cho rằng giáp ranh phía Tây thửa đất của ông bà với ông Nguyễn Hữu H2, ông Lê Văn T3 đã có sự thay đổi, Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk đã lấy của ông bà diện tích đất 655m² để quy hoạch đường đi nên ông bà Khởi kiện buộc UBND xã E, huyện K trả đất cho ông, bà. Xét ý kiến của ông Nguyễn Ngọc H1 và bà Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại sơ đồ lô đất của ông Nguyễn Hữu H2 (nhượng một phần cho ông Đỗ Văn P2) do UBND xã E lập ngày 20 tháng 7 năm 2011 thể hiện: Phía Đông thửa đất của ông Nguyễn Hữu H2 giáp ranh với con đường. Tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 723643 ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Nguyễn Văn T5, bà Võ Thị P1 (Ngày 10 tháng 8 năm 2018, đăng ký biến động cho ông Bùi Văn P, ngày 24 tháng 10 năm 2019, đăng ký biến động cho bà Vi Thị D1, ngày 21 tháng 01 năm 2020 đăng ký biến động cho ông Phùng Tuấn A); Thửa đất 52, tờ bản đồ 82; diện tích 3.698,8m²; sơ đồ thửa đất thể hiện phía Tây thửa đất giáp đường đất. Giấy chứng nhận số BG 623469 ngày 01 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Nguyễn Hữu H2, bà Nguyễn Thị H3; thửa 99 + 8a, tờ bản đồ 45 và 51 diện tích 14.186m², sơ đồ thửa đất thể hiện phía Đông của thửa đất giáp con đường. Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10 tháng 2 năm 2005 của UBND huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Lê Văn T3 thửa số 8, bản đồ 51, diện tích 5000m², sơ đồ thửa đất thể hiện phía Đông giáp đường đi. Tại biên bản thỏa thuận giữa ông Bùi Văn P, ông Tống Quốc T1, ông Nguyễn Hữu H2 và gia đình ông Nguyễn Ngọc H1 thỏa thuận ông Nguyễn Ngọc H1 và bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng con đường lô cùng với các hộ dân khác làm lối đi chung, biên bản đã được các bên ký nhận và có xác nhận của UBND xã E. Mặc khác, qua kết quả xem xét thẩm

định tại chỗ thì diện tích đất tranh chấp là con đường đi, đã rải đá, phân định rõ ràng ranh giới với thửa đất của các hộ xung quanh, tạo thành con đường mòn, giáp ranh với thửa đất nhà bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Ngọc H1 là các cột bê tông, chôn kiên cố, có rào kẽm gai, các gốc cây muồng to (Đường kính trung bình từ 20cm đến 30cm) hiện vẫn còn tồn tại. Phần diện tích đất tranh chấp có vị trí nối liền với phần diện tích đất mà ông Nguyễn Hữu H2 bỏ ra làm con đường đi (Phần phía trên giáp với đường nhựa) tạo thành một đường thẳng. Điều đó hoàn toàn phù hợp với lời khai của ông Nguyễn Hữu H2, ông Lê Văn T3 và các hộ ông H7, ông H4, ông D là diện tích đất tranh chấp là do ông Nguyễn Hữu H2, ông Lê Văn T3 bỏ ra để làm con đường đi, chứ không phải là diện tích đất của ông Nguyễn Ngọc H1, bà Nguyễn Thị H. Phù hợp với sơ đồ thửa đất của ông Nguyễn Hữu H2, ông Lê Văn T3 xác định phía Đông thửa đất giáp con đường đi, sơ đồ thửa đất của ông Nguyễn Văn T5, bà Võ Thị P1 (đã đăng ký biến động cho ông Bùi Văn P, bà Vi Thị D1, ông Phùng Tuấn A) thể hiện phía Tây thửa đất giáp con đường đi.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DSST ngày 24/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng (đã có hiệu lực pháp luật) nhận định "... việc tồn tại con đường đi phía Đông kế bên thửa đất số 99, tờ bản đồ 45 là con đường đi chung... con đường không thuộc quyền quản lý, sử dụng của một cá nhân hay hộ gia đình nào mà do Nhà nước quản lý. Mọi cá nhân hộ gia đình có quyền sử dụng làm lối đi chung...". Như vậy, con đường này đã hình thành từ lâu, thể hiện trong bản đồ địa chính năm 1998 trước thời điểm ông H1, bà H nhận chuyển nhượng đất của ông C và đã được UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt quy hoạch làm con đường dân sinh. Do vậy, bà H, ông H1 cho rằng Ủy ban nhân dân xã E lấy đất của ông Nguyễn Ngọc H1 và bà Nguyễn Thị H để làm đường là không có căn cứ. Do đó, ông Nguyễn Ngọc H1, bà Nguyễn Thị H khởi kiện buộc Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk trả cho ông bà diện tích đất 655m² là không có cơ sở và cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc H1 và bà Nguyễn Thị H là phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST, ngày 08/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị H người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho bà H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 08/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147; 157; 165; khoản 1 Điều 227; Điều 235; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 73 của Luật Đất đai năm 1993
- Căn cứ Điều 105 và Điều 136 của Luật Đất đai năm 2003;
- Căn cứ Điều 166 và Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013.
- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 3 Luật người cao tuổi.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc H1, bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk trả phần đất có diện tích 655m².

[3] Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Ngọc H1, bà Nguyễn Thị H phải chịu 2.200.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và 3.000.000 đồng tiền chi phí định giá tài sản. Ông Nguyễn Ngọc H1, bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ, không phải nộp bổ sung.

[4] Về án phí:

[4.1] Về án phí dân sự sơ thẩm : Ông Nguyễn Ngọc H1, bà Nguyễn Thị H được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[4.2] Về án phí dân sự phúc thẩm : Bà Nguyễn Thị H được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02);
- TAND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện K;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng